

Số: 291 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 02 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tổ chức và hoạt động
của cụm, khối thi đua tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 210/QĐ-UBND ngày 29/01/2011, Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐ-KT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KHTH.

57

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Diễn

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 291/QĐ-UBND

ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, nhiệm vụ và hoạt động của cụm, khối thi đua của tỉnh Đắk Nông. Nội dung, tiêu chí và thang điểm thi đua, bình xét thi đua, đề nghị tặng cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể có thành tích xuất sắc dẫn đầu các cụm, khối thi đua.

Các nội dung về cụm, khối thi đua có liên quan khác không được quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị tham gia các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tổ chức tại Quyết định này.

Chương II TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 3. Tổ chức cụm, khối thi đua; phân công theo dõi cụm, khối thi đua

1. Mục đích của việc phân chia cụm, khối thi đua

Thông qua việc phân chia cụm, khối thi đua nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các sở, ban ngành, các địa phương, đơn vị trong công tác chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước của ngành, địa phương, đơn vị; làm cơ sở cho việc bình chọn những tập thể tiêu biểu trong các phong trào thi đua, bảo đảm cho việc đánh giá, bình xét công tác thi đua, khen thưởng của từng ngành, địa phương, đơn vị một cách chính xác.

2. Nguyên tắc phân chia cụm, khối thi đua, phân công theo dõi cụm, khối thi đua.

Việc phân chia cụm, khối thi đua căn cứ vào đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị. Cụm thi đua gồm một địa phương có đặc điểm tương đồng về địa lý, kinh tế, xã hội. Khối thi đua gồm một số đơn vị tương đồng về chức năng, nhiệm vụ.

3. Tổ chức cụm, khối thi đua

3.1 Tổ chức cụm, khối thi đua các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương gồm 02 cụm và 15 khối (phụ lục 1)

Phân công thành viên Hội đồng Thi, đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi như sau:

- Phó trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy: Cụm 1
- Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Cụm 1
- Chánh Văn phòng Tỉnh ủy: Khối 1
- Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh: Khối 2
- Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh: Khối 3
- Giám đốc Sở Nội vụ: Khối 4
- Giám đốc Sở Tài chính: Khối 5
- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Khối 6
- Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Khối 7
- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: Khối 8
- Giám đốc Công an tỉnh: Khối 9
- Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh: Khối 10
- Bí thư Đảng ủy khối các doanh nghiệp tỉnh: Khối 11
- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Khối 12
- Chánh Thanh tra tỉnh: Khối 13
- Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Khối 14
- Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh: Khối 15

3.2 Tổ chức Cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc huyện, thị xã gồm 48 cụm, khối thi đua (mỗi huyện, thị xã 6 cụm, khối thi đua) gồm:

- Cụm thi đua xã, phường, thị trấn;
- Khối thi đua các đơn vị phòng, ban và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã;
- Khối thi đua các đơn vị đảng, mặt trận, đoàn thể cấp huyện;
- Khối thi đua các trường Mầm non;
- Khối thi đua các trường Tiểu học;
- Khối thi đua các trường Trung học cơ sở;

Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo dõi hoạt động của cụm, khối thi đua tại địa phương.

3.3 Tổ chức Khối thi đua các đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương gồm 59 khối thi đua (phụ lục 2)

Giao cho Thủ trưởng các đơn vị theo dõi hoạt động của khối thi đua tại đơn vị.

4. Điều hành hoạt động của cụm, khối có Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó. Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó do các thành viên trong cụm, khối bầu chọn trong Hội nghị tổng kết hàng năm và hoạt động luân phiên. Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó mới tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối ngay sau khi được bầu chọn.

5. Bộ phận Thường trực của cụm, khối là tổ chức hoặc cá nhân phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó.

Điều 4. Nhiệm vụ của các thành viên trong cụm, khối thi đua các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

1. Cụm trưởng, Khối trưởng:

Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; thủ trưởng các đơn vị, địa phương về hoạt động của cụm, khối thi đua và có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của cụm, khối thi đua;

b) Xây dựng các tiêu chí thi đua, thang điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cụm, khối thi đua và các đơn vị thành viên; đảm bảo về nội dung các tiêu chí thi đua chủ yếu và khung điểm đã được quy định;

c) Tổ chức cho các đơn vị thành viên trong cụm, khối ký kết giao ước thi đua, tổ chức phối hợp giữa các đơn vị thành viên trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác thế mạnh của mỗi sở, ngành, đơn vị, địa phương. Định kỳ tổ chức hội nghị để các thành viên trao đổi về nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác thi đua, khen thưởng; bàn các biện pháp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và tuyên truyền, giao lưu, nhân rộng các điển hình tiên tiến để làm phong phú và nâng cao chất lượng hoạt động cụm, khối thi đua;

d) Chủ trì việc chấm điểm thi đua, bình chọn, suy tôn và đề nghị các cấp xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị tiêu biểu đạt thứ hạng cao trong cụm, khối theo quy định;

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả thi đua của cụm, khối theo định kỳ 6 tháng, 01 năm gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (đối với các cụm, khối thi đua cấp tỉnh),

2. Cụm phó, Khối phó:

a) Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch và điều hành hoạt động của cụm, khối thi đua;

b) Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết một số công việc khi Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền.

3. Bộ phận thường trực giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng:

a) Dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, quy định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của cụm, khối thi đua; chuẩn bị nội dung và các điều kiện, tham mưu tổ chức các hoạt động của cụm, khối thi đua;

b) Phối hợp với tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua để đánh giá tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tổng hợp bảng điểm tự chấm của các đơn vị trong cụm, khối và gửi xin ý kiến của các cơ quan chức năng; tổ chức trao đổi, thảo luận thống nhất điểm thi đua từng đơn vị thành viên và báo cáo Cụm trưởng, Khối trưởng;

c) Chuẩn bị các nội dung hội nghị sơ kết, tổng kết của cụm, khối thi đua.

4. Các thành viên trong cụm, khối thi đua:

a) Đăng ký các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ thi đua hàng năm gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trong quý I hàng năm;

b) Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của cụm, khối thi đua; tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị. Căn cứ vào đặc điểm tình hình của đơn vị, xây dựng thang điểm cụ thể để chấm điểm thi đua cho các đơn vị cơ sở trực thuộc;

c) Phát hiện, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua;

d) Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các cuộc họp và hoạt động do cụm, khối tổ chức;

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua; định kỳ báo cáo 6 tháng và cả năm phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết. Tự chấm điểm thi đua của đơn vị mình theo Quy chế hoạt động của cụm, khối thi đua với các nội dung và tiêu chí thi đua đã ký kết và gửi báo cáo kết quả cho Cụm trưởng, Khối trưởng theo đúng quy định.

Điều 5. Hoạt động của cụm, khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

1. Tổ chức sơ kết 06 tháng đầu năm:

a) Thành phần:

- Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách cụm, khối;
- Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương là Cụm trưởng, Khối trưởng;
- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và cá nhân phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên.

b) Nội dung:

- Trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng;

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký và biện pháp triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm;

- Giao lưu, gặp gỡ các điển hình tiên tiến.

c) Thời gian tổ chức sơ kết: Hoàn thành vào tháng 7 hàng năm. Đối với các đơn vị ngành giáo dục tổ chức sơ kết sau khi kết thúc học kỳ 1.

2. Tổng kết hoạt động của cụm, khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

a) Thành phần:

- Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phụ trách cụm, khối;
- Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương là thành viên cụm, khối thi đua;
- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên;

b) Nội dung:

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của cụm, khối thi đua và của các đơn vị thành viên trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới;

- Trao đổi kinh nghiệm, phổ biến mô hình mới, cách làm hay và giao lưu điển hình tiên tiến;

- Bình chọn, suy tôn các đơn vị tiêu biểu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phát động, ký kết giao ước thi đua;

- Bầu chọn Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó mới.

c) Thời gian tổ chức tổng kết: hoàn thành trước tháng 01 hàng năm. Đối với các đơn vị ngành giáo dục tổ chức sơ kết sau khi kết thúc năm học.

Chương III

TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐIỂM THI ĐUA, BÌNH XÉT THI ĐUA, ĐỀ NGHỊ TẶNG CỜ THI ĐUA CỦA UBND TỈNH

Điều 6. Thang bảng điểm thi đua chung

1. Các sở, ban, ngành (*phụ lục 3*);
2. Các huyện, thị xã (*phụ lục 4*);
3. Các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (*phụ lục 5*);
4. Các doanh nghiệp (*phụ lục 6*);
6. Đối với các ngành thuộc Khối nội chính và lực lượng vũ trang áp dụng các tiêu chuẩn thi đua theo hệ thống ngành dọc do Trung ương quy định;

7. Đối với các Ngân hàng thương mại căn cứ vào các tiêu chí thi đua của ngành để xây dựng thang bảng điểm.

Điều 7. Phương pháp chấm điểm thi đua cụm, khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

1. Nguyên tắc chấm điểm thi đua:

- Căn cứ vào việc đăng ký, ký kết giao ước thi đua hàng năm;
- Chấm điểm, xếp hạng thi đua phải căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được cấp trên giao hoặc đơn vị tự đề ra (đối với các chỉ tiêu cấp trên không giao) và kết quả đạt được trong năm thông qua số liệu cụ thể, chú trọng thực chất, không được che giấu khuyết điểm tồn tại và chạy theo thành tích, tránh phô trương hình thức;
- Chấm điểm, đánh giá, xếp hạng thi đua nhằm tạo động lực thi đua, thúc đẩy phong trào thi đua, trao đổi để rút kinh nghiệm học tập lẫn nhau, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, do đó phải bảo đảm tính nghiêm túc, chặt chẽ, công khai, chính xác;

2. Phương pháp chấm điểm thi đua

Các đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua thực hiện tự chấm điểm. Cụm trưởng, khối trưởng tổ chức họp các thành viên thuộc cụm, khối để bình xét trên cơ sở điểm tự chấm và thống nhất số điểm cho các đơn vị trong cụm, khối.

Cách tính điểm: Tổng số điểm chấm thi đua là 1.000 điểm.

Trong đó:

- Điểm thực hiện các chỉ tiêu thi đua là 950 điểm;
- Điểm thưởng cho việc hoàn thành vượt mức các tiêu chí thi đua tối đa là 50 điểm.

* Đối với các tiêu chí định lượng được

- Nếu đạt 100% kế hoạch thì đạt 100% điểm chuẩn.

* Đối với tiêu chí không định lượng được (định tính) thì chia ra các loại và tính điểm như sau:

- Loại tốt đạt 100% điểm chuẩn của tiêu chí;
- Loại khá đạt 80% điểm chuẩn của tiêu chí;
- Loại trung bình đạt 60% điểm chuẩn của tiêu chí;
- Loại yếu đạt dưới 50% điểm chuẩn của tiêu chí;

* Điểm cộng.

- Nếu thực hiện vượt 1% kế hoạch thì được thưởng 1 điểm cho tiêu chí đó nhưng không quá 10% điểm chuẩn (chỉ thưởng cho các tiêu chí định lượng được);

- Hàng năm có chương trình kế hoạch phát động phong trào thi đua của đơn vị, địa phương. Có sơ, tổng kết nhân rộng mô hình điển hình người tốt việc tốt. Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo. Lãnh đạo đơn vị tham dự đầy đủ

những cuộc họp do Trưởng khối, Trưởng Cụm tổ chức được cộng thêm 20 điểm trong tổng số điểm sau khi chấm.

*** Điểm trừ**

- Nếu thực hiện không đạt 1% so với kế hoạch thì trừ 2 điểm của tiêu chí đó nhưng tối đa không quá 10% điểm chuẩn (chỉ trừ đối với các chỉ tiêu định lượng được);

- Nếu trong năm đơn vị bị Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình hay nhắc nhở bằng văn bản trên lĩnh vực thuộc tiêu chí thi đua nào thì tiêu chí đó bị trừ 05 điểm;

- Không hoàn thành nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao bằng văn bản bị trừ 02 điểm/văn bản;

- Thiếu báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, báo cáo do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, cụm, khối thi đua yêu cầu, báo cáo không trung thực bị thành viên trong khối, cụm phát hiện sẽ bị trừ 10 điểm;

- Không đi dự các cuộc họp do Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập, do Ban Thi đua - Khen thưởng tổ chức, không đi dự họp cụm, khối thi đua trừ 10 điểm;

- Không thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cụm trưởng, khối trưởng thì đơn vị bị trừ 20 điểm.

3. Không xét tặng cờ thi đua, bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các đơn vị, địa phương:

- Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên không xét thi đua cho tập thể, đơn vị.

- Không tham gia đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm. Không tham gia sơ kết, tổng kết cụm, khối thi đua.

- Có hồ sơ đề nghị xét tặng không đúng thời gian quy định.

Điều 8. Hoạt động của cụm, khối thi đua; Thang bảng điểm thi đua chung; Phương pháp chấm điểm thi đua của các cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

Các cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc các huyện, thị xã, các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương căn cứ vào hoạt động của cụm, khối thi đua; Thang bảng điểm thi đua chung; Phương pháp chấm điểm thi đua của các cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc các huyện, thị xã; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương xây dựng quy chế Hoạt động của cụm, khối thi đua; Thang bảng điểm thi đua chung; Phương pháp chấm điểm thi đua của các cụm, khối thi đua tại địa phương, đơn vị.

Điều 9. Bình chọn và đề nghị khen thưởng

1. Đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện kinh tế - xã hội, báo cáo tổng kết phong trào thi đua, bảng tự chấm điểm của các đơn vị. Lãnh đạo các thành viên trong Cụm, khối tiến hành thảo luận đánh giá, nhận xét, thống nhất số điểm và

đánh giá thực tế phong trào thi đua của từng đơn vị, căn cứ vào kết quả tổng hợp chấm điểm và tình hình thực tế của phong trào thi đua trong Cụm, hội nghị tiến hành bình chọn bằng hình thức bỏ phiếu kín, phải được trên $\frac{1}{2}$ số thành viên nhất trí. Tham gia việc bỏ phiếu kín phải là lãnh đạo các đơn vị tham dự, trường hợp lãnh đạo các đơn vị không tham dự được cử đại diện thay thế thì đơn vị đó phải có văn bản ủy quyền gửi đơn vị Cụm trưởng, khối trưởng và được Cụm trưởng, khối trưởng thông báo tại hội nghị tổng kết. Trường hợp các đơn vị có cùng số phiếu bằng nhau thì phải bầu lại.

Quy định về số lượng đơn vị được khen thưởng như sau:

- Mỗi cụm, khối thi đua chọn 01 đơn vị dẫn đầu đề nghị tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với 2 cụm, 15 khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị có số điểm liền kề đơn vị được đề nghị tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh số lượng như sau: Cụm, khối thi đua có từ 6 đơn vị trở xuống tặng 01 Bằng khen; Cụm, khối thi đua từ 7 đơn vị trở lên tặng 02 Bằng khen.

2. Đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ

Trên cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua của các cụm, khối thi đua. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, lựa chọn không quá 20% số tập thể của tỉnh đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua.

Điều 10. Tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh

Các tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh phải đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt các tiêu chuẩn quy định tại điều 18, Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương phải được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm.

3. Đối với các đơn vị thuộc các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương:

a) Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc

b) Được thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xem xét, đề nghị.

Điều 11. Hồ sơ, thời gian đề nghị khen thưởng.

Sau phiên họp tổng kết, Cụm trưởng, Khối trưởng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh). Hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình của Cụm trưởng, Khối trưởng (đối với cụm, khối thi đua quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 3 của Quy định này); Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (đối với các cụm, khối thi đua quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 3 của Quy định này);

2. Biên bản họp xét thi đua của cụm, khối hoặc của Hội đồng Thi đua - khen thưởng sở, ban, ngành, huyện, thành phố;

3. Báo cáo thành tích của các đơn vị đề nghị khen thưởng;

4. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối;

5. Các văn bản, giấy tờ liên quan (nếu có).

Thời gian các cụm, khối gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cùng với thời gian đề nghị khen thưởng cuối năm của các đơn vị

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua có trách nhiệm xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của cụm, khối để tổ chức cho thành viên trong cụm, khối hoạt động theo các nội dung của Quy định này.

Quy chế tổ chức và hoạt động của cụm, khối trước khi tổ chức thực hiện phải gửi về cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 13. Các đơn vị, địa phương trong các cụm, khối thi đua có trách nhiệm thực hiện Quy định này và chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương việc thực hiện Quy định này./

Phụ lục 1:
Cụm, khối thi đua các huyện, thị xã, các Sở, Ban, ngành,
đoàn thể cấp tỉnh và tương đương (2 cụm, 15 khối)
(Kèm theo Quyết định số 294 /QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

STT	CỤM, KHỐI THI ĐUA	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI	STT
01	Cụm 1 (4 đơn vị)	Huyện Đắk Song	1
		Huyện Cư Jút	2
		Huyện Đắk Mil	3
		Huyện Kông Nô	4
02	Cụm 2 (4 đơn vị)	Huyện Đắk R'lấp	5
		Thị xã Gia Nghĩa	6
		Huyện Đắk GLong	7
		Huyện Tuy Đức	8
03	Khối 1 (6 đơn vị)	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	9
		Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	10
		Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	11
		Văn phòng Tỉnh ủy	12
		Ban Dân vận Tỉnh ủy	13
		Ban Nội chính Tỉnh ủy	14
04	Khối 2 (5 đơn vị)	Báo Đắk Nông	15
		Đảng ủy khối các doanh nghiệp tỉnh	16
		Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	17
		Trường Chính trị tỉnh	18
		Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	19
05	Khối 3 (6 đơn vị)	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	20
		Liên đoàn Lao động tỉnh	21
		Hội Cựu chiến binh tỉnh	22
		Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	23
		Hội Nông dân tỉnh	24
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	25
06	Khối 4 (06 đơn vị)	Văn phòng UBND tỉnh	26
		Sở Nội vụ	27
		Sở Ngoại vụ	28
		Sở Tài chính	29
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	30
		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31
07	Khối 5 (05 đơn vị)	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông	32
		Cục Thuế tỉnh	33
		Bảo hiểm Xã hội tỉnh	34
		Cục Thống kê tỉnh	35
		Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	36
08	Khối 6 (05 đơn vị)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37
		Sở Giao thông vận tải	38

		Sở Tài nguyên và Môi trường	39
		Sở Xây dựng	40
		Sở Công Thương	41
09	Khối 7 (05 đơn vị)	Ban Dân tộc	42
		Sở Khoa học và Công nghệ	43
		Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	44
		Ban quản lý dự án phát triển khu đô thị mới và công trình trọng điểm tỉnh	45
		Liên minh Hợp tác xã tỉnh	46
10	Khối 8 (06 đơn vị)	Sở Y tế	47
		Sở Giáo dục và Đào tạo	48
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49
		Sở Thông tin và Truyền thông	50
		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51
11	Khối 9 (08 đơn vị)	Đài Phát thanh và Truyền hình	52
		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	53
		Công an tỉnh	54
		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	55
		Tòa án nhân dân tỉnh	56
		Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	57
		Thanh tra tỉnh	58
		Cục Thi hành án dân sự tỉnh	59
12	Khối 10 (11 đơn vị)	Sở Tư pháp	60
		Công ty Điện lực Đắk Nông	61
		Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	62
		Viễn thông Đắk Nông	63
		Chi nhánh Viettel Đắk Nông	64
		Bưu điện tỉnh	65
		Truyền tải điện Đắk Nông	66
		Ban quản lý dự án Alumina Nhân cơ	67
		Chi nhánh Điện cao thế tỉnh Đắk Nông	68
		Công ty Thủy điện Đồng Nai	69
		Công ty Bảo hiểm Bảo Minh	70
13	Khối 11 (07 đơn vị)	Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	71
		Công ty CP Cấp thoát nước và Phát triển đô thị Đắk Nông	72
		Công ty TNHH MTV Đăng kiểm Đắk Nông	73
		Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắk Nông	74
		Công ty TNHH MTV Sách thiết bị trường học tỉnh	75
		Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	76
		Công ty Quản lý, sửa chữa, xây dựng cầu đường bộ Đắk Nông	77
14	Khối 12 (09 đơn vị)	Cty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng	78
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk N' Tao, huyện Đắk Song	79
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa	80

		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Măng, huyện Đắk G'Long	81
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn, huyện Đắk G'Long	82
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trường Xuân, huyện Đắk Song	83
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa, huyện Đắk Song	84
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Thuận Tân, huyện Đắk Song	85
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên, huyện Tuy Đức	86
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Tín, huyện Đắk R'Lấp	87
15	Khối 13 (10 đơn vị)	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành, huyện Đắk Mil	88
		Công ty Cà Phê Đức Lập, huyện Đắk Mil	89
		Công ty TNHH MTV Cà Phê Thuận An, huyện Đắk Mil	90
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil, huyện Cư Jút	91
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Lập, huyện Krông Nô	92
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Nung, huyện Krông Nô	93
		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Đức, huyện Krông Nô	94
		Công ty CP Mía đường Đắk Nông	95
		Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco	96
		Công ty cà phê Đắk Nông	97
16	Khối 14 (08 đơn vị)	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Đắk Nông	98
		Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông	99
		Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam tỉnh Đắk Nông	100
		Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín tỉnh Đắk Nông	101
		Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Đắk Nông	102
		Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tỉnh Đắk Nông	103
		Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông	104
		Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Cao su Đắk Nông	105
17	Khối 15 (9 đơn vị)	Hội văn học nghệ thuật tỉnh	106
		Hội chữ thập đỏ tỉnh	107
		Hội Nạn nhân chất độc màu da cam/dioxin tỉnh	108
		Hội Người cao tuổi tỉnh	109
		Hội Đông y tỉnh	110
		Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	111
		Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia	112
		Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh	113
		Hội Khuyến học tỉnh	114

Phụ lục 2:
Cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc các Sở, Ban, ngành,
đoàn thể cấp tỉnh và tương đương:
(Kèm theo Quyết định số 291 /QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số lượng cụm thi đua
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1
2	Sở Tài chính	1
3	Sở Nội vụ	1
4	Sở Xây dựng	1
5	Sở Công Thương	1
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	1
7	Sở Thông tin và Truyền thông	1
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1
9	Sở Khoa học và Công nghệ	1
10	Thanh tra tỉnh	1
11	Văn phòng UBND tỉnh	1
12	Sở Tư pháp	1
13	Sở Giao thông vận tải	1
14	Sở Ngoại vụ và Chi cục Hải quan cửa khẩu BuPrăng	1
15	Ban Dân tộc	1
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Ban quản lý dự án phát triển khu đô thị mới và công trình trọng điểm tỉnh	1
17	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	1
18	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	1
19	Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1
20	Ban Tuyên giáo	1
21	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy	1
22	Ban Dân vận Tỉnh ủy	1
23	Văn phòng Tỉnh ủy	1
24	Đảng ủy khối các doanh nghiệp tỉnh	1
25	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	1
26	Trường Chính trị tỉnh	1
27	Báo Đắk Nông	1
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1
29	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	1
30	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1
31	Hội Nông dân tỉnh	1
32	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1
33	Sở Giáo dục và Đào tạo	5
34	Sở Y tế	5
35	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3
36	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	4

37	Công an tỉnh	4
38	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3
39	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	3

Quy định khối thi đua các đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương có hơn 1 khối thi đua như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo 05 khối thi đua gồm:

- Khối thi đua các phòng thuộc sở;
- Khối thi đua các Trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm trực thuộc;
- Khối thi đua các trường Phổ thông dân tộc nội trú;
- 02 Khối thi đua các trường THPT (Giao giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng 02 khối thi đua các trường THPT).

2. Sở Y tế xây dựng 05 khối thi đua gồm:

- Khối thi đua các phòng thuộc sở;
- Khối thi đua các đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh;
- 03 Khối các đơn vị trực thuộc tuyến huyện (7 Bệnh viện đa khoa; 8 Trung tâm Y tế; 8 Trung tâm Dân số và KHH gia đình).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 03 khối thi đua gồm:

- Khối thi đua văn phòng;
- 02 Khối thi đua các đơn vị trực thuộc;

Giao giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng 02 khối thi đua các đơn vị trực thuộc.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh 04 khối thi đua.

Giao Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng 04 khối thi đua các đơn vị thuộc và trực thuộc (các phòng, ban; các Hợp tác xã Nông nghiệp và Phi nông nghiệp)

5. Công an tỉnh 04 khối thi đua gồm:

- Khối An ninh;
- Khối Cảnh sát;
- Khối Tham mưu – Xây dựng lực lượng, hậu cần;
- Khối Công an huyện, thị xã.

6. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 03 khối thi đua gồm:

- Khối thi đua các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Khối thi đua các Đại đội trực thuộc;
- Khối thi đua Ban chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã.

7. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh 03 khối thi đua, cụ thể:

- Khối thi đua các phòng trực thuộc;
- 02 khối thi đua các đồn biên phòng (Giao Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh xây dựng 02 khối thi đua các đồn biên phòng).

Phụ lục 3:
Thang bảng điểm các Sở, Ban, ngành.
(Kèm theo Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh
(550 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch được UBND tỉnh giao	100					
2	Nghiên cứu, tham mưu, hoạch định các chủ trương, mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế ngành và các chính sách của ngành và lĩnh vực	100					
3	Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh	100					
4	Công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ	50					
5	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50					
6	Thực hiện cải cách hành chính	100					
7	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50					
	Tổng cộng	550					

II. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	40					
2	Vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy đảng trong việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng gắn với việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"	40					
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh	60					
4	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh	60					
	Tổng cộng	200					

III. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Có quy chế công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng. Có quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng Sáng kiến	40					
2	Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua do UBND tỉnh, Tỉnh ủy phát động và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"	40					
3	Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và có quy định, hướng dẫn cụ thể về khen thưởng người lao động trực tiếp, có tỷ lệ khen thưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước đối với người lao động trực tiếp. Nêu rõ biện pháp, kết quả về việc khen thưởng cho người lao động trực tiếp	40					
4	Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng; củng cố; kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thực hiện công tác bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng	20					
5	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp cụ thể để chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác khen thưởng	20					
6	Xây dựng kế hoạch và quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết nhân rộng các điển hình tiên tiến; biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình. Đánh giá việc phát huy, lan tỏa các tập thể, cá nhân sau khi được các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua	20					
7	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác	20					
	Tổng cộng	200					

Phụ lục 4:**Thang bảng điểm các huyện, thị xã.***(Kèm theo Quyết định số 291 /QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)***I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh
(550 điểm)**

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Thu ngân sách trên địa bàn		100					
2	Giảm tỷ lệ hộ nghèo		30					
3	Giải quyết việc làm		30					
4	Giảm tỷ suất sinh		30					
5	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia		30					
6	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế		30					
7	Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn		50					
8	Công tác tuyển quân và quân sự địa phương		50					
9	Thực hiện an toàn giao thông		30					
10	Thực hiện cải cách hành chính		100					
11	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí		50					
12	Đảm bảo vệ sinh, môi trường trên địa bàn		20					
	Tổng cộng		550					

II. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	40					
2	Vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy đảng trong việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng gắn với việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"	40					
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh	60					
4	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh	60					
	Tổng cộng	200					

III. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Có quy chế công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng. Có quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng Sáng kiến	40					
2	Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua do UBND tỉnh, Tỉnh ủy phát động và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"	40					
3	Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và có quy định, hướng dẫn cụ thể về khen thưởng người lao động trực tiếp, có tỷ lệ khen thưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước đối với người lao động trực tiếp. Nêu rõ biện pháp, kết quả về việc khen thưởng cho người lao động trực tiếp	40					
4	Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng; củng cố; kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thực hiện công tác bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng	20					
5	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp cụ thể để chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác khen thưởng	20					
6	Xây dựng kế hoạch và quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết nhân rộng các điển hình tiên tiến; biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình. Đánh giá việc phát huy, lan tỏa các tập thể, cá nhân sau khi được các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua	20					
7	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác	20					
	Tổng cộng	200					

Phụ lục 5:

Thang bảng điểm các cơ quan Đảng, MTTQ và các đoàn thể
(Kèm theo Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh (550 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Công tác nghiên cứu, tham mưu hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; xây dựng các đề án, dự án....	100					
2	Công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và các chế độ chính sách	100					
3	Tổ chức vận động quần chúng và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	100					
4	Công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ	50					
5	Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn	50					
6	Thực hiện cải cách hành chính	100					
7	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50					
	Tổng cộng	550					

II. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	40					
2	Vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy đảng trong việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng gắn với việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"	40					
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh	60					
4	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh	60					
	Tổng cộng	200					

III. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Có quy chế công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng. Có quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng Sáng kiến	40					
2	Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua do UBND tỉnh, Tỉnh ủy phát động và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"	40					
3	Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và có quy định, hướng dẫn cụ thể về khen thưởng người lao động trực tiếp, có tỷ lệ khen thưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước đối với người lao động trực tiếp. Nêu rõ biện pháp, kết quả về việc khen thưởng cho người lao động trực tiếp	40					
4	Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng; củng cố; kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thực hiện công tác bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng	20					
5	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp cụ thể để chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác khen thưởng	20					
6	Xây dựng kế hoạch và quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết nhân rộng các điển hình tiên tiến; biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình. Đánh giá việc phát huy, lan tỏa các tập thể, cá nhân sau khi được các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua	20					
7	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác	20					
	Tổng cộng	200					

Phụ lục 6:
Thang bảng điểm các doanh nghiệp.
(Kèm theo Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 của UBND tỉnh)

**I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh
(550 điểm)**

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cụm chấm
1	Các chỉ tiêu kinh tế (tốc độ tăng trưởng; tổng doanh thu; năng xuất lao động; lợi nhuận; nộp ngân sách..	100					
2	Các giải pháp chủ yếu ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững và đảm bảo an sinh xã hội	100					
3	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	100					
4	Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	50					
5	Thực hiện cải cách hành chính	50					
6	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	100					
7	Thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước	50					
	Tổng cộng	550					

II. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cụm chấm
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	40					
2	Vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy đảng trong việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng gắn với việc "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"	40					
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh	60					
4	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh	60					
	Tổng cộng	200					

III. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (200 điểm)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Điểm cộng chấm
1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Có quy chế công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng. Có quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng Sáng kiến	40					
2	Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua do UBND tỉnh, Tỉnh ủy phát động và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"	40					
3	Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và có quy định, hướng dẫn cụ thể về khen thưởng người lao động trực tiếp, có tỷ lệ khen thưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước đối với người lao động trực tiếp. Nêu rõ biện pháp, kết quả về việc khen thưởng cho người lao động trực tiếp	40					
4	Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng; củng cố; kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thực hiện công tác bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng	20					
5	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp cụ thể để chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác khen thưởng	20					
6	Xây dựng kế hoạch và quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết nhân rộng các điển hình tiên tiến; biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình. Đánh giá việc phát huy, lan tỏa các tập thể, cá nhân sau khi được các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua	20					
7	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác	20					
	Tổng cộng	200					